

Bản án số: 595/2018/DS-ST

Ngày: 12/6/2018.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hà
2. Ông Nguyễn Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoa là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Đường M, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2017 và đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 20/3/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đình N trình bày: Ngày 18/7/2016 do chỗ quen biết nên có cho ông Nguyễn Văn P vay số tiền 145.000.000 đồng và ông P viết giấy mượn tiền và hẹn trả từ ngày vay cho đến cuối tháng 7/2016 trả cho ông khoản vay này. Đến ngày thanh toán thì ông P cố tình tránh mặt và không thanh toán tiền cho ông. Do ông P không trả tiền nên ông mới gửi đơn đến Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để hòa giải về việc ông P vay tiền không trả. Khi Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C hòa giải thì ông P cũng không đến Phường vào các ngày 23/02/2017, ngày 03/3/2017 và ngày 08/3/2017 theo lịch mời của Phường.

Do ông P vay tiền đến hạn không trả nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn P trả số tiền nợ gốc 145.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/8/2016 tạm tính cho đến ngày 19/4/2018 là 19 tháng 19 ngày với mức lãi suất là 0.75%/ tháng là 21.351.250 đồng, tổng cộng số tiền ông P phải trả 01 lần cho ông là 166.351.250 đồng. Khi Tòa án công bố kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận C, thì ông được biết bà Nguyễn Thị Thanh H là vợ của ông P, nhưng khi cho vay ông chỉ biết một mình ông P thì ông P phải có trách nhiệm trả tiền cho ông. Ông không yêu cầu Tòa án đưa bà Hương liên đới cùng với ông P phải có trách nhiệm trả nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H không đến Tòa và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N.

Tại phiên Tòa: Hội đồng xét xử xem xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/6/2018 của nguyên đơn ông N và ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Văn P phải tổng cộng số tiền 169.360.000 đồng bao gồm nợ gốc 145.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/8/2016 tính đến ngày 12/6/2018 với mức lãi suất 9% năm với số tiền là 24.360.000 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với số tiền 2.700.000 đồng ông N trả chi phí giám định chữ ký và chữ viết của ông P thì nguyên đơn ông N tự nguyện chịu và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ

án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông N khởi kiện bị đơn ông P phải trả số tiền vay còn thiếu là phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự được qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “*Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1969 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đường A, Phường B, Quận C. Ông P không thực tế cư trú tại địa chỉ trên từ tháng 2/2016 cho đến nay, không rõ địa chỉ ông P chuyển đi. Ông Nguyễn Văn P có vợ là bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1972, bà Hương còn đăng ký hộ khẩu thường trú, nhưng thực tế không cư trú tại địa chỉ trên từ tháng 2/2016, đi đâu không rõ.*”, thì theo Giấy mượn tiền ngày 18/7/2016 là tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thì bên vay ông P cung cấp địa chỉ cư ngụ tại số đường A, Phường B, Quận C cho bên cho vay ông N. Do ông P và bà Hương thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được qui định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông P có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Bị đơn ông P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hương được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Nguyên đơn ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên Tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[1.6] Bị đơn ông P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hương đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P và bà Hương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét:

[2.1] Đối với yêu cầu nguyên đơn ông N buộc bị đơn ông Nguyễn Văn P trả tổng cộng số tiền 169.360.000 đồng của Giấy mượn tiền ngày 18/7/2016 bao gồm nợ gốc 145.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/8/2016 đến ngày 12/6/2018 là 22 tháng 12 ngày với mức lãi suất cơ bản là 9%/năm với số tiền là 24.360.000 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với số tiền 2.700.000 đồng ông N trả chi phí giám định chữ ký và chữ viết của ông P thì nguyên đơn ông N tự nguyện chịu và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.1.1] Về số tiền nợ gốc 145.000.000 đồng của Giấy mượn tiền ngày 18/7/2016 thì Hội đồng xét xử nhận định như sau: Theo nội dung Giấy mượn tiền ngày 18/7/2016 là tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như sau: “*Tôi tên Nguyễn Văn P, cư ngụ đường A, Phường B, Quận C, số CM: 022241962, tôi có mượn của anh Nguyễn Đình N số tiền 145.000.000 đồng trong vòng từ nay tới cuối tháng 7, tôi sẽ thanh toán cho anh Nghĩa đầy đủ. Nếu có điều gì sai sót tôi hoàn toàn chịu trách trước pháp luật. Khi thanh toán xong hủy giấy này.*”. Do bị đơn ông P vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông P về yêu cầu và phạm vi khởi kiện của nguyên đơn ông N. Tại bản khai ngày 26/4/2017 và 05/6/2017 thì ông N trình bày như sau: Giấy mượn tiền ngày 18/7/2016 là do ông P viết và ký, ngoài Giấy mượn tiền ngày 18/7/2016 thì ông P cũng không đưa giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông P để làm tin. Để chứng minh việc vay mượn giữa ông P và ông N là có thật nên ông N đề nghị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thu thập tài liệu mẫu chữ ký và chữ viết của ông P để giám định. Ngày 15/8/2017 ông N có đơn trung cầu giám định Giấy mượn tiền ngày 18/7/2016 và ngày 15/8/2017 Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định trung giám định số 175/2017/QĐ-TCGD trung cầu Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định chữ viết và chữ ký của ông Nguyễn Văn P đối với tài liệu cần giám định Giấy mượn tiền ngày 18/7/2016 và các tài liệu mẫu so sánh do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp cho Tòa án nhân dân

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Công văn số 874/TAQ3 ngày 20/7/2017. Theo kết luận giám định số 1236/KLGD-TT ngày 21/9/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh trả lời như sau: “*Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn P trên tài liệu đối tượng cần giám định Giấy mượn tiền đứng tên Nguyễn Văn P đề ngày 18/7/2016 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn P trên tài liệu mẫu so sánh là Tờ khai chứng minh nhân dân số 022241962 do cùng một người ký ra; Chữ viết cần giám định trên tài liệu đối tượng cần giám định Giấy mượn tiền đứng tên Nguyễn Văn P đề ngày 18/7/2016 so với chữ viết của Nguyễn Văn P trên tài liệu mẫu so sánh là Tờ khai chứng minh nhân dân số 022241962 do cùng một người viết ra.*”. Vì vậy, Kết luận giám định số 1236/KLGD-TT ngày 21/9/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là chứng cứ phù hợp với qui định tại Điều 93 và khoản 6 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Giấy mượn tiền ngày 18/7/2016 mà ông Nguyễn Văn P xác nhận vay số tiền 145.000.000 đồng của ông Nguyễn Đình N là có thật.

[2.1.1.1] Căn cứ tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định Hợp đồng vay tài sản như sau: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định.*” và tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;*”, thì đối chiếu nội dung Giấy mượn tiền ngày 18/7/2016 thì ông P cam kết thanh toán cho ông N đầy đủ số tiền 145.000.000 đồng từ ngày vay cho đến cuối tháng 7/2016. Nên ngày 30/7/2016 là thời hạn cuối cùng ông P phải trả số nợ vay 145.000.000 đồng cho ông N là phù hợp với qui định về thời hạn, thời điểm tính thời hạn và kết thúc thời hạn tại Điều 149, Điều 151 và Điều 153 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do ông P không trả tiền cho ông N khi đến hạn nên ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông P phải trả số tiền nợ gốc 145.000.000 đồng là phù hợp với qui định pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.1.2] Về số tiền lãi là 24.360.000 đồng tính từ ngày 01/8/2016 tính đến ngày 12/6/2018 là 22 tháng 12 ngày với mức lãi suất cơ bản là 9%/ năm thì Hội đồng xét xử nhận định như sau: Căn cứ tại khoản 4 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “*Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại*

thời điểm trả nợ, nếu có thoả thuận” và căn cứ theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước qui định mức lãi suất cơ bản là 9,0%/năm, thì như đã nhận định ở phần trên, ông P phải trả số nợ gốc 145.000.000 đồng cho ông N vào ngày 30/7/2016. Do đến ngày 30/7/2016 ông P không trả số tiền 145.000.000 đồng cho ông N nên ông N yêu cầu ông P phải trả lãi đối với khoản nợ gốc 145.000.000 đồng tính từ ngày 01/8/2016 đến ngày 12/6/2018 là 22 tháng 12 ngày, theo mức lãi suất 9%/năm với số tiền 24.360.000 đồng là phù hợp với qui định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.1.3] Đối với số tiền 2.700.000 đồng nguyên đơn ông N đã trả chi phí giám định chữ ký và chữ viết của ông P theo biên nhận tiền bồi dưỡng giám định viên của Phòng kỹ thuật Hình Sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/12/2017 thì nguyên đơn ông N tự nguyện chịu và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn ông P phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn ông N được chấp nhận số tiền là 8.468.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 93, khoản 6 Điều 95, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 149, Điều 151, Điều 153, Điều 471, khoản 1 và khoản 4 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Văn P trả cho ông Nguyễn Đình N tổng cộng số tiền 169.360.000 đồng bao gồm nợ gốc 145.000.000 đồng và lãi là 24.360.000 đồng của Giấy mượn tiền ngày 18/7/2016. Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Đình N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Nguyễn Văn P phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 8.468.000 đồng ông Nguyễn Văn P phải chịu và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Nguyễn Đình N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.915.000 đồng theo biên lai thu số 0003554 ngày 24/3/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Đình N, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Nhân